TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2025
V/v *"Ly hôn; tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH –TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thạch Út

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trương Thị Hồng Cẩm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng- Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 về "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số:125/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm: 1987

Địa chỉ: 380A, đường Hà Hoàng Hổ, phường Mỹ X, thành phố LX, tỉnh An Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Tạ Văn B, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Tân Thành, xã Vĩnh Th, huyện Châu Th, An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 24/02/2025 nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông B tự tìm hiểu, tiến tới hôn nhân năm 2016, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND phường Mỹ X,

thành phố Long X, tỉnh An Giang số 09 ngày 23/3/2017. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; Giữa bà và ông B ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng Nay bà không còn tình cảm với ông B nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung cháu Tạ Tuệ M sinh ngày 01/11/2016. Hiện cháu Tuệ M đang sống với ông B. Khi ly hôn, bà không tranh chấp về con chung. Đồng ý để ông B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bà không cấp dưỡng

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn Tạ Văn B không tham gia tố; không có văn bản trình bày ý kiến*

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05/5/2025 nội dung đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Tạ Văn B vắng mặt tại phiên tòa không tham gia tố tụng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về việc chấp hành pháp *luật*: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Bà Phạm Thị Thu H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Th giải quyết về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện; Văn bản trình bày ý kiến và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện. Đồng thời, tại biên bản xác M về nơi cư trú của đương sự tại Công an xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, An Giang đều thể hiện ông Tạ Văn B có nơi cư trú tại: tổ 14, ấp Tân Thành, xã Vĩnh Thành, huyện Châu Th, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng thực hiện theo quy định tại 179 BLTTDS 2015. Ông B không có mặt tại phiên tòa khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Phía nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các ông bà theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Giữa bà H và ông B có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ Xuyên,thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang số 09 ngày 23/3/2017 là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H với ông B. Mục đích tạo điều kiện cho ông bà đoàn tụ; nhưng bà H vẫn giữ yêu cầu ly hôn; ông B không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Giữa ông bà đã ly thân một thời gian dài, trong khoảng thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Như vậy cả hai đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014. Do đó, yêu cầu của bà H có căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Giữa ông bà có 01 con chung cháu Tạ Tuệ M sinh ngày 01/11/2016. Hiện cháu M đang sống với ông B. Khi ly hôn, bà H đồng ý giao cháu M cho ông B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; Bà H không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông B không có văn bản trình bày ý kiến về con chung. Cháu M đang chung sống với ông B từ khi ông bà ly thân nhau cho đến nay. Do đó, yêu cầu của bà H phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Ông B cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Thu H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Bà H, ông B có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu H; Bà H được ly hôn với ông Tạ Văn B.

2.Về con chung: Ông Tạ Văn B được tiếp tục nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Tạ Tuệ M sinh ngày 01/11/2016. Ông B phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà H trong việc được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông B không yêu cầu.

3.Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4.Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008089 ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Thu H và ông Tạ Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng Ttra, Kiểm tra và THA Tòa án tỉnh AG;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Thùy Trang